

Bản án số: **212/2024/DS-ST**
Ngày: 12-9-2024
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Sinh.

2. Bà Lương Thị Kim Anh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Công Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Ông Trương Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐST-DT ngày 21/5/2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 21/TB-TA ngày 19/6/2024, Thông báo số 55/TB-TA ngày 10/7/2024, Thông báo số 75/TB-TA ngày 05/8/2024 và Thông báo số 86/TB-TA ngày 22/8/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lưu Thị H, sinh năm: 1968. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn N, sinh năm: 1985. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1969. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khối T, phường Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày: Vào ngày 10/12/2021 (âm lịch) bà Nguyễn Thị M có vay của bà Lưu Thị H số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), khi vay tiền bà M có cam kết khi nào cần thì sẽ trả lại số tiền trên cho bà H. Đến ngày 12/02/2022, bà H cần tiền nên yêu cầu bà M trả lại số tiền đã vay nhưng bà M hứa hẹn nhiều lần và đến nay bà M vẫn không chịu trả nợ cho bà H. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa

án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M phải trả số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng và lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm theo quy định của pháp luật với số tiền tính từ ngày 13/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 25.800.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn – bà Lưu Thị H thống nhất ý kiến của người đại diện theo ủy quyền, không bổ sung gì thêm.

- Bị đơn – bà Nguyễn Thị M: Trong quá trình giải quyết vụ án bà M vắng mặt không lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà M không có mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn - bà M không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Lưu Thị H tổng số tiền là 125.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Nơi cư trú của bà Nguyễn Thị M tại Khôi T, phường Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Bà H khởi kiện về việc buộc bà M phải trả số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung khởi kiện:*

[2.1.] *Xét giao dịch của các bên đương sự thấy rằng:* Tại giấy mượn tiền viết tay ngày 10/12/2021 (âm lịch) nhằm ngày 12/01/2021, bà M có vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, cam kết khi nào bà H cần thì bà M sẽ trả lại số tiền trên. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền vay đến nay bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết; mặc dù bà H đã liên hệ đòi nợ nhiều lần nhưng bà M cố tình trốn tránh nên bà H khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền vay còn nợ 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ trả nợ với số tiền là 25.800.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà M phải trả số tiền trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà M vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện trên. Bà M không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn, cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Ngày 18/7/2024, Tòa án tiến hành thu thập mẫu để trung cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị M. Tại Kết luận giám định số 443/KL-KTHS ngày 20/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Thị M trên tài liệu cần giám định và chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị M trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Xét thấy, việc vay mượn tiền giữa bà M và Hữu theo giấy mượn tiền ngày 10/12/2021 là hợp đồng vay tài sản, dựa trên cơ sở tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Đến nay, bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên bà H khởi kiện là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án bà M không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. 4. Nếu đương sự đó không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở.

[2.2.] *Về lãi suất:* Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 13/02/2021 đến ngày 12/9/2024 với số tiền là 25.800.000 đồng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì: “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Như vậy, yêu cầu trả lãi của bà H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét căn cứ quy định tại Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H; buộc bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho Lưu Thị H tổng số tiền là 125.800.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng*).

[3] *Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết:* Số tiền 7.000.000 đồng. Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu chi phí giám định chữ ký và chữ viết.

[4] *Về án phí:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị H về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”.

1. Buộc bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị H tổng số tiền là 125.800.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết: Số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*), bà Nguyễn Thị M phải chịu. Bà Lưu Thị H đã nộp số tiền này nên bà Nguyễn Thị M phải hoàn trả cho bà Lưu Thị H số tiền 7.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu số tiền là 6.290.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*). Hoàn trả cho bà Lưu Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.881.000 đồng (*Hai triệu tám trăm tám mươi một nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000494 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/9/2024); đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Thế

